

NGHỊ QUYẾT

**Về nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk,
giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ TU**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 2245/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Khoa học và Công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng góp phần phát triển kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra số 83/BC-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Đầu tư nguồn lực để triển khai các định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các thành tựu khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là công nghệ cao, chuyển đổi số (tăng cường tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4) phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đa ngành, đa lĩnh vực, có đủ

khả năng hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ trong phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2022 - 2025

- Phân đầu đến năm 2025, yếu tố năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng GRDP đạt ít nhất 38%, kinh tế số chiếm 20% GRDP.

- Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học trọng điểm, có tính ứng dụng cao thông qua cơ chế đặt hàng, cơ chế khoán chi đến sản phẩm. Tập trung nghiên cứu triển khai ứng dụng các đề tài thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ. Nâng tỷ lệ kết quả các dự án, đề tài khoa học và công nghệ ứng dụng có hiệu quả vào sản xuất và đời sống đạt trên 80% và được công bố trên các tạp chí. Dành ngân sách thỏa đáng cho hoạt động chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.

- Xã hội hóa hoạt động kiểm định phương tiện đo lường, đến năm 2025 số phương tiện đo được kiểm định đạt trên 90% số phương tiện đo bắt buộc kiểm định.

- Đẩy mạnh hoạt động bảo hộ sở hữu trí tuệ: Số văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ tăng 1,5 lần, ít nhất 30 sản phẩm thuộc đối tượng sản phẩm OCOP (mỗi xã một sản phẩm) được xây dựng tiêu chuẩn và bảo hộ sở hữu trí tuệ, trong đó ít nhất 05 bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích.

- Nâng cấp hệ sinh thái khởi nghiệp tinh lên cấp độ 3/7 (hệ sinh thái đang phát triển); hình thành mới 05 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, nhân lực khoa học đạt 8 người trên một vạn dân.

- 100% cơ quan quản lý Nhà nước ở cấp huyện, cấp tỉnh duy trì áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015; thực hiện tốt chương trình cải cách hành chính và ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin, công nghệ Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong quản lý.

2.2. Giai đoạn đến năm 2030

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP đạt 42%, kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP.

- Nâng tỷ lệ kết quả các dự án, đề tài khoa học và công nghệ ứng dụng có hiệu quả vào sản xuất và đời sống đạt trên 85% và được công bố trên các tạp chí. Dành ngân sách thỏa đáng cho hoạt động chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.

- Xã hội hóa hoạt động kiểm định phương tiện đo lường, đến năm 2030 số phương tiện đo được kiểm định đạt trên 95% số phương tiện đo bắt buộc kiểm định.

- Số lần văn bằng sở hữu trí tuệ được cấp tăng 02 lần so với giai đoạn 2021-2025 và có ít nhất 40 sản phẩm của địa phương thuộc chương trình OCOP được tỉnh xây dựng tiêu chuẩn và bảo hộ sở hữu trí tuệ.

- Trình độ công nghệ của các doanh nghiệp đạt mức khá so với vùng Tây Nguyên. Phát triển mạnh doanh nghiệp khoa học. Số lượng tổ chức khoa học và công nghệ tăng 02 lần so với giai đoạn 2021 - 2025 và hình thành từ 1 - 2 doanh nghiệp số.

- Tăng hằng năm 20% số nhân lực khoa học và công nghệ làm việc tại các tổ chức nghiên cứu, chuyên gia khoa học và công nghệ và dịch vụ khoa học và công nghệ; tăng cường đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ, đạt 10 người trên một vạn dân.

- Nâng cấp hệ sinh thái khởi nghiệp tỉnh lên cấp độ 4/7.

II. Các Chương trình phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trọng điểm, giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030

1. Chương trình Khoa học Xã hội và Nhân văn, Giáo dục và đào tạo

a) Về văn hóa - xã hội

- Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các giải pháp quản lý, khai thác nguồn lực, phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh; phát triển bền vững, hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương;

- Nghiên cứu những yếu tố sinh thái, địa lý, dân tộc, văn hóa có ảnh hưởng đến quá trình xây dựng nông thôn mới nhằm đề xuất những chính sách đặc thù cho xây dựng nông thôn mới ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng điểm mô hình nông thôn mới gắn với phát triển ngành nghề sản xuất hàng hóa và ứng dụng công nghệ cao;

- Nghiên cứu các giải pháp khoa học nhằm thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước về ổn định xã hội, giáo dục, văn hóa, dân tộc, an ninh - quốc phòng. Cung cấp những luận cứ khoa học cho việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Nghiên cứu các vấn đề về biến đổi cơ cấu xã hội, cơ cấu lao động, phân hóa giàu nghèo, thu nhập thấp, dân tộc, tôn giáo, văn hóa, tìm giải pháp quản lý và các chính sách, tạo môi trường cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Nghiên cứu các vấn đề về bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa bản địa, văn hóa cộng đồng gắn với phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; văn hóa ứng xử với môi trường xã hội của các dân tộc ít người;

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách phục vụ phát triển nông thôn mới, thực hiện xã hội hóa về văn hóa, giáo dục - đào tạo, thể dục, thể thao;

- Nghiên cứu xác định những hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, các công cụ quản lý rủi ro thích hợp cho các ngành hàng trọng điểm;

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ hộ nghèo, tăng thu nhập theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Thực trạng và giải pháp tăng cường xuất khẩu lao động cho thanh niên;

- Nghiên cứu các giải pháp phục hồi phát triển kinh tế - xã hội hậu Covid-19.

b) Về du lịch

- Nghiên cứu các vấn đề kinh tế du lịch với đặc thù của tỉnh về điều kiện tự nhiên, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng; nghiên cứu các vấn đề về kinh tế và văn hoá phục vụ cho phát triển du lịch (sinh thái, làng nghề, cảnh quan, di tích lịch sử,...);
- Nghiên cứu đa dạng hóa các sản phẩm du lịch theo hướng kết hợp giữa du lịch tham quan với du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh, du lịch văn hóa, tâm linh, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, làng nghề,...ở Đắk Lắk;
- Nghiên cứu cơ sở khoa học để xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch, thiết kế các tuyến, điểm du lịch kết nối với hoạt động du lịch trong vùng; các sản phẩm du lịch đặc thù. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ công nghiệp 4.0 để quảng bá, xây dựng các tua, tuyến du lịch trên bản đồ; ứng dụng bộ nhận diện thương hiệu tỉnh Đắk Lắk trong quảng bá, xúc tiến du lịch;
- Nghiên cứu phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và tài nguyên thiên nhiên, đặc thù kinh tế - xã hội địa phương để phát triển sản phẩm du lịch mới;
- Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh; ứng dụng công nghệ số để kết nối nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch; mở rộng năng lực cung cấp dịch vụ kết hợp giữa kênh thực và kênh số; sử dụng tối đa các giao dịch điện tử trong hoạt động du lịch. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch (du lịch thông minh) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;
- Ứng dụng rộng rãi công nghệ trong thanh toán dịch vụ du lịch hướng tới giảm thiểu thanh toán bằng tiền mặt, hướng dẫn và khuyến khích khách du lịch sử dụng các hình thức thanh toán điện tử trên các thiết bị thông minh;
- Ứng dụng công nghệ thông tin để thống kê, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Du lịch, kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia;
- Khuyến khích các doanh nghiệp du lịch quy mô lớn, có thương hiệu trong và ngoài nước phát triển thành lực lượng nòng cốt, giữ vai trò định hướng phát triển sản phẩm, thị trường du lịch, đặc biệt là các sản phẩm du lịch cao cấp, có giá trị cao; tập trung phát triển số lượng lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ gia đình, tăng cường tính kết nối trong chuỗi giá trị du lịch; thúc đẩy phát triển các mô hình doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp du lịch ứng dụng công nghệ thông tin, du lịch thông minh, du lịch sáng tạo, du lịch cộng đồng.

c) Về giáo dục và đào tạo

- Nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu, tiến bộ của khoa học và công nghệ trong dạy học và quản lý giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả toàn diện giáo dục và đào tạo;
- Triển khai nhân rộng việc ứng dụng các sáng kiến kinh nghiệm trong dạy học, quản lý giáo dục; đẩy mạnh phương thức giáo dục STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học) trong nhà trường;
- Nghiên cứu các vấn đề về đào tạo nghề cho lao động vùng nông thôn, các

giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường, trung tâm đào tạo nghề.

2. Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển nông nghiệp và biến đổi khí hậu

a) Về trồng trọt

- Nghiên cứu, ứng dụng các kỹ thuật công nghệ mới (GIS, Viễn thám, IoT, AI, v.v) trong giám sát, đánh giá, dự báo dịch hại, quá trình canh tác, năng suất, sản lượng cây trồng;

- Nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ (công nghệ cao mới, công nghệ thông tin, công nghệ công nghiệp 4.0 và công nghệ sinh học) trong chọn tạo, nhân giống đối với những cây trồng chủ lực, có năng suất, chất lượng; cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả, cây rau, hoa, củ, quả có tiềm năng thế mạnh thị trường (sản xuất hàng hóa, vùng nông nghiệp);

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình tái canh cây cà phê bảo đảm giữ vững sản lượng và tăng chất lượng sản phẩm; các mô hình tưới nước tiết kiệm kết hợp áp dụng quy trình canh tác giảm phát thải khí nhà kính, hợp lý hóa quy trình sản xuất;

- Mở rộng ứng dụng các chế phẩm sinh học, sử dụng bón phân hợp lý, áp dụng các quy trình thực hành nông nghiệp tốt, các bộ tiêu chuẩn sản xuất bền vững;

- Nghiên cứu bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm đặc thù của tỉnh. Phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (GAP, Global Gap, v.v), kết hợp nông nghiệp và du lịch sinh thái;

- Nghiên cứu quy hoạch phát triển các vùng nguyên liệu cây trồng có giá trị kinh tế cao cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến sâu;

- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm hữu cơ tại địa phương;

- Nghiên cứu các loại bệnh hại cây trồng; ứng dụng các biện pháp cải tạo đất trên địa bàn tỉnh;

- Triển khai các nhiệm vụ theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh; nông nghiệp tuần hoàn, khai thác hiệu quả tài nguyên.

b) Về chăn nuôi, thủy sản

- Nghiên cứu, ứng dụng thành tựu giống mới (công nghệ sinh học,...) trong phát triển đàn đại gia súc, gia cầm, thủy sản nước ngọt. Lai tạo, chọn lọc hình thức chăn nuôi thích hợp cho vật nuôi bản địa có giá trị kinh tế cao. Xây dựng mô hình chăn nuôi một số loài động vật, thủy sản mới, quý hiếm, có giá trị bảo tồn nguồn gen;

- Ứng dụng công nghệ chăn nuôi tiên tiến, bảo đảm chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế cao, sản xuất sản phẩm có quy mô hàng hóa, đạt thương hiệu;

- Đẩy mạnh ứng dụng các quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi dự trữ phù

hợp, thức ăn tinh chất lượng cao, ứng dụng sản xuất thức ăn chăn nuôi thay thế sản phẩm nhập ngoại;

- Phát triển chăn nuôi gia súc với các giống, loài đặc hữu của địa phương, giống mới có nhiều ưu thế thể trạng, năng suất, chất lượng; ứng dụng các giải pháp kỹ thuật tiên tiến trong chăn nuôi;

- Nghiên cứu các loại bệnh, đẩy mạnh ứng dụng phát triển các loại vắc-xin, quy trình phòng và chữa trị tiên tiến nhằm kiểm soát dịch bệnh trên gia súc, gia cầm và thủy sản;

- Ứng dụng, chuyển giao giống thủy sản mới, áp dụng quy trình sản xuất giống sạch bệnh, quản lý tổng hợp dịch bệnh thủy sản; ứng dụng công nghệ bảo quản, chế biến thủy sản sau thu hoạch.

c) Về lâm nghiệp

- Nghiên cứu, đánh giá khả năng sinh trưởng và hiệu quả kinh tế - xã hội của các cây trồng có khả năng phát triển dưới tán rừng, đất quy hoạch lâm nghiệp;

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ mới (GIS, Viễn thám, IoT, AI, v.v) trong giám sát, dự báo, phát triển, làm giàu, quản lý khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên rừng bền vững, cấp chứng chỉ rừng, chi trả dịch vụ rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, cơ chế bù trừ, thương mại, cơ chế hưởng lợi tín chỉ các bon (CO₂) từ rừng;

- Nghiên cứu sinh sản voi nhà tự nhiên và nhân tạo; phát triển gây nuôi động vật hoang dã dưới tán rừng.

d) Về nông thôn mới và phát triển nông nghiệp trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số

- Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo hướng sản xuất hàng hóa ...đồng thời triển khai có hiệu quả các nội dung khoa học và công nghệ liên quan đến mô hình mỗi xã một sản phẩm (OCOP);

- Xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; xây dựng mô hình hợp tác xã (HTX) kiểu mới, HTX ứng dụng công nghệ cao; nghiên cứu phát triển các mô hình HTX gắn với sản phẩm các sản phẩm an toàn, có truy xuất nguồn gốc minh bạch thông tin ở các ngành hàng chủ lực;

- Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất của kinh tế hộ, xây dựng thương hiệu tiếp cận thông tin thị trường;

- Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, đẩy mạnh liên kết tổ chức sản xuất các sản phẩm chủ lực theo chuỗi giá trị nhằm làm tăng khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản, theo hướng hiện đại, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng và xuất khẩu;

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong phát triển các

kênh phân phối và thương mại điện tử.

đ) Về ứng phó với biến đổi khí hậu

- Nghiên cứu ứng dụng, tìm giải pháp khoa học và công nghệ đối phó với biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến phát triển tài nguyên đất, nước, hệ sinh thái và đa dạng sinh học, lĩnh vực nông lâm nghiệp, công nghiệp, xây dựng, giao thông và hạ tầng kỹ thuật, năng lượng, môi trường, y tế và sức khỏe cộng đồng;

- Nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu và sự thích ứng cho một số cây trồng, vật nuôi của địa phương để có giải pháp giảm nhẹ tác động do biến đổi khí hậu; giảm thiểu khí nhà kính, đề xuất các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trên một số lĩnh vực nhất là trong nông nghiệp (chuyển đổi cây con, mùa vụ);

- Ứng dụng công nghệ vật liệu mới, thiết bị mới, công nghệ tiên tiến trong thiết kế, thi công và bảo vệ các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; áp dụng các biện pháp kỹ thuật ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ và cải tạo đất, khai thác sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất. Chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, phục vụ hiệu quả mục tiêu xây dựng nông thôn mới;

- Phát triển, ứng dụng chuyển giao công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại tái chế chất thải, sử dụng tài nguyên và phục hồi môi trường, ứng dụng chuyển giao công nghệ thu hồi và lưu trữ CO₂ ở các nhà máy và các cơ sở sản xuất phát thải CO₂ khác, công nghệ tiên tiến xử lý môi trường, giám sát, kiểm soát ô nhiễm môi trường;

- Liên kết nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong điều tra cơ bản, quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, đánh giá và dự báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu trong nền kinh tế tuần hoàn.

3. Chương trình khoa học và công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng, sở hữu trí tuệ và phát triển công nghệ, lĩnh vực khác

a) Về nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa

- Nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp, HTX về năng suất và chất lượng; Triển khai dự án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh (nội dung liên quan đến khoa học và công nghệ);

- Xây dựng, thúc đẩy phong trào nâng cao năng suất và chất lượng thông qua việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến kết hợp với áp dụng các công cụ cải tiến năng suất và chất lượng; đổi mới, ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ; xây dựng, bảo hộ sở hữu trí tuệ và phát triển hệ thống thương hiệu của tỉnh;

- Tập huấn, đào tạo, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, tham gia hội chợ và thiết bị; tiến hành nghiên cứu đổi mới sáng tạo; đổi mới công nghệ, tạo ra các công nghệ mới, nâng cao giá trị gia tăng, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp;

- Nghiên cứu ứng dụng, đổi mới thiết bị công nghệ theo hướng ưu tiên các

công nghệ tiên tiến, các công nghệ cao (công nghệ thông tin, công nghệ công nghiệp 4.0, v.v) trong các doanh nghiệp; nghiên cứu các vấn đề khoa học và công nghệ liên quan đến phát triển các ngành công nghiệp bảo quản, chế biến sâu, ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; phát triển vật liệu không nung; phát triển điện gió, điện mặt trời, nhiên liệu sinh học... ;

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo trong sản xuất các mặt hàng tiêu thủ công nghiệp, nhận dạng và phát triển các sản phẩm OCOP;

- Hỗ trợ đổi mới, ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa. Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường công nghệ;

- Điều tra, thống kê, đánh giá nhu cầu công nghệ, năng lực giải mã, hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp trong tỉnh; xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn cầu công nghệ và báo cáo phân tích nhu cầu công nghệ của một số lĩnh vực, ngành sản xuất chủ lực của tỉnh;

- Tiếp tục tổ chức thực hiện những hoạt động cụ thể của Chương trình như: tập huấn, đào tạo; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, chợ công nghệ và thiết bị, nghiên cứu cải tiến, đổi mới công nghệ, tạo ra công nghệ mới, nâng cao giá trị gia tăng, năng suất, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh.

b) Về Sở hữu trí tuệ

- Triển khai việc hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, HTX,...xây dựng, bảo hộ sở hữu trí tuệ;

- Phát triển các hoạt động đăng ký nhãn hiệu; sở hữu công nghiệp và xây dựng hệ thống thương hiệu của tỉnh;

- Hỗ trợ, quản lý và phát triển các sản phẩm chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, sản phẩm tham gia chương trình OCOP đã được chứng nhận;

- Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa của tỉnh và tăng cường áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc;

- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương hướng tới xây dựng các chỉ dẫn địa lý cho tỉnh theo Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

c) Ứng dụng công nghệ, lĩnh vực khác

- Triển khai ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm chủ lực của tỉnh;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, hạ tầng số làm nền tảng, phục vụ phát triển và ứng dụng công nghệ của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, thực hiện thí điểm và từng bước nhân rộng mô hình đô thị thông minh, chuyển đổi số một số ngành trọng điểm, phát triển lao động số, xây dựng môi trường pháp lý cho chuyển đổi số; nghiên

cứu xây dựng cơ sở dữ liệu không gian, giải pháp phân tích, ứng dụng công nghệ GIS, viễn thám đa tầng để hỗ trợ phát triển nông nghiệp 4.0; tuần hoàn nghiên cứu trí tuệ nhân tạo, ứng dụng khoa học vũ trụ trong một số lĩnh vực, nghiên cứu phát triển công nghiệp phần mềm theo chuỗi; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số;

- Nghiên cứu, phát triển mô hình chuỗi cung ứng thông minh để dự báo và gắn kết hiệu quả quá trình sản xuất với nhu cầu thị trường. Xây dựng mối liên kết giữa doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp logistics và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, tài chính để tối ưu hóa chi phí và thời gian đưa hàng hóa ra thị trường.

4. Chương trình ứng dụng công nghệ sinh học, bảo tồn, phát triển gen; y dược và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

a) Về lĩnh vực nông lâm thủy sản

- Ứng dụng công nghệ sinh học hiện đại trong chọn tạo, lai giống; ứng dụng giống ưu thế lai;

- Ứng dụng công nghệ sinh học hiện đại trong nhân giống mô, tế bào để nhân các giống cây trồng có nhu cầu lớn hoặc có giá trị kinh tế cao;

- Nghiên cứu hoạt chất sinh học từ nguồn gen bản địa phục vụ cho bảo vệ động thực vật, cải tạo đất;

- Nghiên cứu chế phẩm sinh học ứng dụng trong bảo quản các sản phẩm chủ lực của tỉnh; ứng dụng trong bảo quản rau, hoa, quả;

- Ứng dụng công nghệ sinh học như: công nghệ vi sinh, enzyme, protein phát triển sản xuất phân hữu cơ sinh học, thuốc bảo vệ thực vật sinh học và các chế phẩm sinh học khác.

b) Về lĩnh vực môi trường

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý các chất thải sinh hoạt, chất thải cụm công nghiệp và chất thải tại các khu chăn nuôi tập trung;

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học xử lý ô nhiễm môi trường ở các nhà máy chế biến nông sản, nhất là đối với chế biến ướt cà phê, chế biến mủ cao su, tinh bột sắn, bột giấy, mía đường...

c) Về lĩnh vực y, dược

- Nghiên cứu ứng dụng các bộ dụng cụ chẩn đoán, các loại vắc-xin và các chế phẩm sinh học trong chẩn đoán, phòng và điều trị dịch trên con người;

- Nghiên cứu, tiếp nhận, làm chủ công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong chẩn đoán và điều trị bệnh ở người (ghép mô, trị liệu tế bào gốc, can thiệp mạch, kỹ thuật sinh học phân tử, phẫu thuật nội soi, công nghệ laser, y học hạt nhân);

- Nghiên cứu các phương pháp phòng và điều trị các bệnh đặc thù của tỉnh (các bệnh lây từ vật sang người, bệnh mới xuất hiện, bệnh lạ);

- Nghiên cứu phương pháp chữa bệnh kết hợp y học hiện đại với y học cổ

truyền; ứng dụng các bài thuốc y dược học cổ truyền và công nghệ bào chế sản xuất thuốc từ nguồn dược liệu địa phương;

- Nghiên cứu sản xuất nguyên liệu dược (tạo vùng nguyên liệu) phục vụ công nghiệp bào chế thuốc, nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong sản xuất thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng và sinh phẩm y tế;

- Nghiên cứu các giải pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em, phòng và điều trị suy dinh dưỡng, béo phì ở trẻ em, nâng cao sức khỏe sinh sản;

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là hoàn thiện các hệ thống quản lý thông tin bệnh viện (HIS) nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, giảm bớt thủ tục hành chính và rút ngắn thời gian chờ đợi của người bệnh.

d) Về bảo tồn và phát triển nguồn gen

- Nghiên cứu bảo tồn nguồn gen có nguồn gốc bản địa quý hiếm, đặc hữu, có giá trị kinh tế, y học, an ninh, quốc phòng;

- Nghiên cứu phục tráng các giống cây trồng, vật nuôi bản địa;

- Nghiên cứu xây dựng các mô hình nuôi trồng các loài cây, con quý hiếm, đặc hữu, có giá trị kinh tế cao;

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học: Tế bào, gen, vi sinh trong sản xuất nông nghiệp an toàn, công nghiệp chế biến và bảo vệ môi trường; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng;

- Tổ chức thực hiện hiệu quả đề án khung nhiệm vụ quỹ gen của tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025 (theo Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án khung nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen tỉnh Đắk Lắk thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025).

III. Giải pháp thực hiện

1. Tuyên truyền nhận thức

- Đẩy mạnh tuyên truyền để nâng cao nhận thức của từng cấp, từng ngành, từng đơn vị trong toàn xã hội về giá trị, vai trò của nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ của khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo là nòng cốt trong triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, người dân cần nhận thức phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt là đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo là nhân tố quyết định nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị của sản phẩm trong quá trình sản xuất - kinh doanh.

2. Tăng cường cơ chế quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Hoàn thiện cơ chế quản lý hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy đổi mới công nghệ, dịch vụ kỹ thuật phục vụ sản xuất; tập trung các nguồn lực vào thực hiện các mục tiêu của các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm;

- Xây dựng cơ chế, chính sách hữu hiệu hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường khoa học và công nghệ; đẩy mạnh công tác đăng ký sở hữu trí tuệ, đăng ký sở hữu công nghiệp, nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý các sản phẩm chủ lực.

3. Tăng cường hoạt động thông tin và truyền thông khoa học và công nghệ

- Xây dựng hệ thống thông tin và truyền thông khoa học và công nghệ đồng bộ, hiện đại đáp ứng kịp thời yêu cầu của sản xuất - kinh doanh về công nghệ và thị trường;

- Có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, Hợp tác xã tìm kiếm, lựa chọn công nghệ phù hợp với yêu cầu của sản xuất - kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm;

- Nghiên cứu triển khai cơ chế tổ chức trình diễn công nghệ, sàn giao dịch công nghệ để nhanh chóng đưa được công nghệ đến nơi có nhu cầu sử dụng.

4. Phát triển nguồn nhân lực và tổ chức khoa học và công nghệ

- Có cơ chế, chính sách đặc biệt cho đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho nhân lực khoa học và công nghệ; đầu tư nâng cao năng lực của Trung tâm Thông tin - ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; triển khai có hiệu quả các cơ sở thực nghiệm khoa học và công nghệ trên địa bàn huyện;

- Tranh thủ tối đa nhân lực khoa học và công nghệ, các nguồn tri thức của các Viện, trung tâm khoa học và công nghệ, các trường đại học, cao đẳng đóng trên địa bàn tỉnh vào thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đào tạo nhân lực và nâng cao trình độ khoa học và công nghệ. Khuyến khích các doanh nghiệp thành lập các tổ chức nghiên cứu và phát triển để tiến hành nghiên cứu triển khai và tiếp nhận công nghệ tiên tiến.

5. Huy động nguồn lực tài chính cho phát triển khoa học và công nghệ

- Hoàn thiện các quy định, cơ chế hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ; Kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước, huy động nguồn lực toàn xã hội đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; Tranh thủ các chương trình khoa học và công nghệ Trung ương triển khai trên địa bàn tỉnh; Vận động các dự án, nguồn viện trợ phi chính phủ (NGO);

- Phối hợp với quỹ khuyến nông, khuyến công để hỗ trợ nhân rộng các mô hình khoa học và công nghệ sau khi đã được nghiên cứu thành công hoặc chuyển giao từ bên ngoài vào trong hoạt động sản xuất - kinh doanh của các cơ sở trong tỉnh.

6. Hợp tác, hội nhập trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ

- Chủ động xây dựng các chương trình hợp tác, liên kết quốc tế theo kế hoạch, tham gia các hoạt động hội nhập có trọng tâm trọng điểm về hợp tác phát triển khoa học và công nghệ trong và ngoài nước;

- Tăng cường hoạt động hợp tác giữa các sở, ngành; giữa các cơ quan cấp tỉnh với trung ương và giữa cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ với các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, trường đại học, cao đẳng của trung ương và địa phương khác; các tổ chức khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn tỉnh.

IV. Kinh phí thực hiện

Bảo đảm tăng tỷ lệ đầu tư từ ngân sách cho khoa học và công nghệ theo các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước đã ban hành, đồng thời đẩy mạnh đa dạng hóa, huy động các nguồn đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước cho phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt là nguồn tài chính của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất.

Để đảm bảo nguồn lực tài chính cho khoa học và công nghệ, giai đoạn 2022 - 2025, tỉnh Đắk Lắk cần thu hút nguồn vốn từ nhiều nguồn khác nhau với tổng kinh phí là 375 tỷ đồng và giai đoạn 2026 - 2030 là 757 tỷ đồng trong đó: ngân sách của tỉnh chiếm 40%, các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án, đề tài của các bộ, ngành ở Trung ương 50%, các doanh nghiệp 10%.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai, thực hiện nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ KH-ĐT; Bộ Tài chính; Bộ KH&CN;
- Ban Công tác đại biểu;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH&CN, KH-ĐT, TC, Tư pháp;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Y Vinh Tor